gǎng wèi

岗位

Noun · post; station

Example Sentences

tā zài xīn de gǎng wèi shàng gōng zuò de hěn rèn zhēn
他在新的 岗 位 上 工 作得很认 真 。

He works very diligently at his new post.

tā zài zhè ge gǎng wèi gōng zuò
他在这个 岗 位 工 作。

He works at this position.

gōng sī zhèng zài zhāo pìn xīn de gǎng wèi
公 司 正 在 招 聘新的 岗 位。

The company is recruiting for new positions.

Trace each character, then write the word on your own.

岗 岗 岗 岗 岗 岗 岗 岗 岗 岗

位 位 位 位 位 位 位 位 位 位